

Số: 1023/QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 12 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2020 – 2021  
cho sinh viên khóa 41 (3 lớp kỹ sư), 42, 43, 44 hệ đào tạo chính quy

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/08/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3 điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông báo số 56/TB-ĐHDL ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Trường Đại học Đà Lạt về việc quy định mức học bổng khuyến khích học tập năm học 2020-2021 cho sinh viên hệ đào tạo chính quy;

Căn cứ Thông báo số 1230/TB-ĐHDL ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về tiêu chuẩn xét học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2020 - 2021 cho sinh viên hệ đào tạo chính quy;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ II, năm học 2020 – 2021 của sinh viên;

Theo đề nghị của Trường phòng Chính trị và Công tác sinh viên.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2020 - 2021 cho 526 sinh viên các khóa 41 (3 lớp kỹ sư), 42, 43, 44 hệ đào tạo chính quy có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Số tháng được cấp học bổng: 05 tháng.

Số tiền được cấp: 2.291.490.000đồng.

(Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm chín mươi một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng)

**Điều 3.** Trường phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Trường phòng Tài chính, Trường các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, CT & CTSV.

HIỆU TRƯỞNG  
  
Lê Minh Chiến



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP  
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021**

(Kèm theo Quyết định số 1023/QĐ-ĐHDL, ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt)

Ngân hàng: VietComBank

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
1	1913417	Đình Quang	Trường	XHK43	3.0	62	78	Khá	776,000	3,880,000	0561000625296	VietComBank	
2	1710289	Phan Quốc	Trung	CTK41	3.75	145	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	1021329337	VietComBank	
3	1710285	Lê Anh	Trí	CTK41	3.57	139	92	Giỏi	987,000	4,935,000	0561000609683	VietComBank	
4	1714181	Lê Quan Huy	Hoàng	CTK41	3.57	142	92	Giỏi	987,000	4,935,000	1025038576	VietComBank	
5	1813865	Nguyễn Quốc	Vương	CTK42	3.67	103	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	0561000614217	VietComBank	
6	2011363	Đỗ Minh	Đặng	CTK44A	3.74	35	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	1016637880	VietComBank	
7	2015795	Lê Đại Hải	Nam	CTK44B	3.53	35	82	Giỏi	987,000	4,935,000	0561000560194	VietComBank	
8	1813647	Nguyễn Thị Kim	Thư	DLK42A	3.77	108	86	Giỏi	987,000	4,935,000	0751000042792	VietComBank	
9	1813271	Nguyễn Thảo	Đoan	DLK42B	3.68	120	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	0561000617790	VietComBank	
10	1813402	Đặng Thiên	Kim	DLK42B	3.68	114	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	1020025112	VietComBank	
11	1912952	Đặng Thị Thu	Nguyệt	DLK43A	3.45	68	92	Giỏi	987,000	4,935,000	0751000058489	VietComBank	
12	1910728	Đoàn Thị Hải	Yến	DLK43B	3.6	68	91	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	1013141348	VietComBank	
13	1914851	Đình Nguyễn Bảo	Nguyện	DLK43B	3.6	77	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	0281000601582	VietComBank	
14	1910700	Lê Thị Thùy	Trang	DLK43C	3.45	71	90	Giỏi	987,000	4,935,000	561000623256	VietComBank	
15	1910669	Võ Thị Thúy	Sinh	DLK43D	3.45	68	90	Giỏi	987,000	4,935,000	0751000054120	VietComBank	
16	2011789	Lê Nhật	Quang	DLK44A	3.3	38	87	Giỏi	987,000	4,935,000	1013444616	VietComBank	
17	2011724	Nguyễn Thanh Thảo	My	DLK44A	3.13	41	85	Khá	937,000	4,685,000	0581000801741	VietComBank	
18	2012501	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	DLK44B	3.53	35	88	Giỏi	987,000	4,935,000	0181003622258	VietComBank	
19	2011849	Đoàn Thị Cẩm	Thùy	DLK44B	3.15	38	88	Khá	937,000	4,685,000	0271001108933	VietComBank	
20	2011706	Trần Đăng Động	Lực	DLK44B	3.05	38	84	Khá	937,000	4,685,000	1020679823	VietComBank	
21	2011776	Hà Lê Hoàng	Phước	DLK44B	3.35	35	81	Giỏi	987,000	4,935,000	0561000609755	VietComBank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
22	2015699	Bùi Ánh	Xuân	DLK44C	3.35	35	92	Giỏi	987,000	4,935,000	9919 181934	VietComBank	
23	2015047	Nguyễn Danh Huy	Quang	DLK44C	3.0	41	89	Khá	937,000	4,685,000	1017 363459	VietComBank	
24	2014718	Nguyễn Trần Mỹ	Duyên	DLK44D	3.35	35	78	Khá	937,000	4,685,000	1013356934	VietComBank	
25	1811154	Nguyễn Thị Kim	Thanh	DPK42HQ	3.76	106	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0061001145308	VietComBank	
26	1811155	Nguyễn Thị Phương	Thanh	DPK42HQ	3.35	109	78	Khá	776,000	3,880,000	561000603367	VietComBank	
27	1811328	Hoàng Trịnh Thảo	Vy	DPK42HQ	3.24	106	76	Khá	776,000	3,880,000	1024776744	VietComBank	
28	1811330	Lê Nguyễn Khánh	Vy	DPK42HQ	3.24	106	76	Khá	776,000	3,880,000	1023311859	VietComBank	
29	1910783	Hoàng Thu	Hiền	DPK43HQA	3.82	63	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	561000623702	VietComBank	
30	1913589	Lê Thị	Hương	DPK43HQA	3.75	66	78	Khá	776,000	3,880,000	0201000719466	VietComBank	
31	1913643	Đào Thùy	Linh	DPK43HQA	3.75	60	78	Khá	776,000	3,880,000	0561000625806	VietComBank	
32	1913657	Phạm Thị Mỹ	Linh	DPK43HQA	3.75	63	78	Khá	776,000	3,880,000	561000625881	VietComBank	
33	1913827	Huỳnh Thị Trúc	Quỳnh	DPK43HQA	3.75	66	78	Khá	776,000	3,880,000	9789426321	VietComBank	
34	1914758	Vòng	Phông	DPK43HQA	3.75	63	78	Khá	776,000	3,880,000	1013227181	VietComBank	
35	1910844	Phạm Thị Hồng	Nhung	DPK43HQB	3.5	66	94	Giỏi	826,000	4,130,000	1012671707	VietComBank	
36	1913785	Võ Hằng	Ninh	DPK43HQC	3.75	66	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	641000038031	VietComBank	
37	1910911	Triệu Tiểu	Tuyết	DPK43NB	3.75	64	85	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000623322	VietComBank	
38	1913481	Võ Huỳnh Xuân	Diệu	DPK43NB	3.75	66	81	Giỏi	826,000	4,130,000	9941534800	VietComBank	
39	2010332	Trương Tấn	Đạt	DPK44HQA	3.57	37	87	Giỏi	826,000	4,130,000	1024202465	VietComBank	
40	2013499	Nguyễn Thị Bích	Trâm	DPK44HQB	3.5	34	81	Giỏi	826,000	4,130,000	1015004182	VietComBank	
41	2013428	Nguyễn Thị Khánh	Phương	DPK44NB	3.76	37	83	Giỏi	826,000	4,130,000	1016623970	VietComBank	
42	2013370	Nguyễn Hồ Phương	Loan	DPK44NB	3.76	37	81	Giỏi	826,000	4,130,000	1024593983	VietComBank	
43	1810707	Trần Minh	Ngọc	QHK42	3.55	106	88	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000605522	VietComBank	
44	1810759	Nguyễn Thị	Yến	QHK42	3.09	104	78	Khá	776,000	3,880,000	0561000629933	VietComBank	
45	1910940	Đỗ Thị Minh	Châu	QHK43	3.69	69	80	Giỏi	826,000	4,130,000	0451000466678	VietComBank	
46	2010303	Trần Thị Thanh	Trúc	QHK44	3.71	40	81	Giỏi	826,000	4,130,000	1021335923	VietComBank	
47	2012045	Trương Đức	Thắng	QHK44	3.17	40	80	Khá	776,000	3,880,000	1016462267	VietComBank	
48	1812403	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	LHK42A	4.0	119	93	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000606508	VietComBank	
49	1811924	Lê Thanh	Dung	LHK42A	3.8	116	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000622835	VietComBank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
50	1813837	Phạm Vũ Nhật	Minh	LHK42C	4.0	116	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000603863	VietComBank	
51	1812005	Lê Hiếu Minh	Hiền	LHK42C	3.83	122	96	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000627820	VietComBank	
52	1811947	Nguyễn Hoàng Khánh	Duyên	LHK42C	3.8	117	95	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000608390	VietComBank	
53	1812128	Nguyễn Bảo	Lộc	LHK42C	3.8	116	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0031000336285	VietComBank	
54	1812297	Đình Thị Hoa	Phượng	LHK42C	3.8	119	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000605617	VietComBank	
55	1812341	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	LHK42C	3.8	128	88	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000603873	VietComBank	
56	1812384	Phạm Ân	Thiện	LHK42D	3.83	101	86	Giỏi	826,000	4,130,000	9917837367	VietComBank	
57	1912255	Huỳnh Yến	Phương	LHK43A	3.89	69	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000625649	VietComBank	
58	1910485	Hồ Nguyễn Đăng	Nguyên	LHK43A	3.8	69	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000627192	VietComBank	
59	1910473	Trần Xuân	Lộc	LHK43A	3.59	71	94	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000625911	VietComBank	
60	1912170	Nguyễn Châu Hải	My	LHK43A	3.59	69	80	Giỏi	826,000	4,130,000	1016656979	VietComBank	
61	1912257	Nguyễn Đăng	Phương	LHK43A	3.5	67	92	Giỏi	826,000	4,130,000	9785626501	VietComBank	
62	2012310	Bùi Quang	Trung	LHK44A	3.61	37	98	Xuất sắc	876,000	4,380,000	1021954004	VietComBank	
63	2011222	Văn Thị Hồng	Út	LHK44A	3.55	34	84	Giỏi	826,000	4,130,000	1025012536	VietComBank	
64	2011234	Nguyễn Thanh Tường	Vy	LHK44A	3.3	34	82	Giỏi	826,000	4,130,000	1014255424	VietComBank	
65	2011156	Lùi Ngọc Phương	Quỳnh	LHK44B	3.75	34	91	Xuất sắc	876,000	4,380,000	1023050709	VietComBank	
66	2011055	Trần Phùng Gia	Hân	LHK44B	3.4	34	90	Giỏi	826,000	4,130,000	1013875779	VietComBank	
67	2014258	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	LHK44B	3.4	34	90	Giỏi	826,000	4,130,000	1014553770	VietComBank	
68	2011196	Hồ Minh	Tim	LHK44B	3.36	36	98	Giỏi	826,000	4,130,000	1017251844	VietComBank	
69	1812927	Trần Thị Thanh	Tiền	CHK42	3.25	122	82	Giỏi	987,000	4,935,000	0271001076201	VietComBank	
70	1812961	Lưu Thị Hà	My	NHK42	3.45	116	80	Giỏi	826,000	4,130,000	1015501843	VietComBank	
71	1911370	Trần Hữu Quốc	Chí	NHK43	2.81	79	90	Khá	776,000	3,880,000	1021030804	VietComBank	
72	1810239	Nguyễn Ngô Minh	Hà	AVK42A	3.5	116	77	Khá	776,000	3,880,000	9382967604	VietComBank	
73	1810368	Đặng Ngọc Tường	Nghi	AVK42E	3.2	122	77	Khá	776,000	3,880,000	0561000604257	VietComBank	
74	1914172	Trương Đình Thiên	Hoàng	AVK43A	3.26	79	90	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000625417	VietComBank	
75	1914120	Phan Nguyễn Kim	Dung	AVK43A	2.87	82	90	Khá	776,000	3,880,000	0561000629063	VietComBank	
76	1911004	Phạm Hoàn Kim	Ngân	AVK43A	2.74	78	90	Khá	776,000	3,880,000	1021391423	VietComBank	
77	1911023	Trần Thị Huyền	Nhung	AVK43B	2.92	85	81	Khá	776,000	3,880,000	0561000623734	VietComBank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
78	1914363	Nguyễn Thị Minh	Thu	AVK43B	2.69	85	80	Khá	776,000	3,880,000	0771000593825	VietComBank	
79	1911039	Trần Phương	Thảo	AVK43E	3.13	82	81	Khá	776,000	3,880,000	0561000538205	VietComBank	
80	1914074	Mai Vũ Hoàng	Anh	AVK43E	2.78	79	77	Khá	776,000	3,880,000	0561000625446	VietComBank	
81	2010217	Mông Thị Dương	Thùy	AVK44A	3.45	38	90	Giỏi	826,000	4,130,000	1016098034	VietComBank	
82	2010100	Lương Quế	Hân	AVK44B	2.85	38	86	Khá	776,000	3,880,000	1019610534	VietComBank	
83	2015725	Đỗ Phương	Uyên	AVK44D	3.4	38	83	Giỏi	826,000	4,130,000	1015010852	VietComBank	
84	2015714	Phạm Nhật	Tân	AVK44D	3.35	38	81	Giỏi	826,000	4,130,000	1021350533	VietComBank	
85	2013009	Phú Văn Linh	Đài	AVK44D	3.15	38	81	Khá	776,000	3,880,000	1017272844	VietComBank	
86	2013083	Đỗ Minh	Nguyễn	AVK44E	3.65	38	89	Giỏi	826,000	4,130,000	1020428488	VietComBank	
87	2013003	Trần Thanh	Bình	AVK44E	3.0	38	84	Khá	776,000	3,880,000	0581000801742	VietComBank	
88	2015706	Lê Nguyễn Thanh	Nhã	AVK44F	3.2	38	88	Giỏi	826,000	4,130,000	1016614342	VietComBank	
89	1811797	Lâm Bảo	Thịnh	KTK42	3.74	124	96	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000627514	VietComBank	
90	1811734	Nguyễn Thùy	Khuyên	KTK42	3.46	121	91	Giỏi	826,000	4,130,000	9889456275	VietComBank	
91	1911871	Nguyễn Minh	Thơ	KTK43	3.04	78	83	Khá	776,000	3,880,000	1017261546	VietComBank	
92	2010982	Trần Thụy Thủy	Tiên	KTK44A	2.85	35	71	Khá	776,000	3,880,000	1014806436	VietComBank	
93	2014010	Nguyễn Thanh	Tuyền	KTK44B	3.23	41	85	Giỏi	826,000	4,130,000	1017261524	VietComBank	
94	2012213	Hứa Thị Hồng	Bích	KTK44B	2.78	38	92	Khá	776,000	3,880,000	1014428247	VietComBank	
95	1811557	Nguyễn Thị Khánh	Nguyễn	QTK42	3.78	126	98	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000613450	VietComBank	
96	1811480	Đình Thị Quỳnh	Hoa	QTK42	3.67	125	81	Giỏi	826,000	4,130,000	1020868987	VietComBank	
97	1811534	Phạm Văn	Linh	QTK42	3.5	116	98	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000625309	VietComBank	
98	1813864	Ngô Thu	Thảo	QTK42	3.5	122	86	Giỏi	826,000	4,130,000	1012426216	VietComBank	
99	1911472	Phạm Ngọc Thúy	Hằng	QTK43A	3.39	78	87	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000629536	VietComBank	
100	1911661	Trần Kim	Tài	QTK43A	3.3	69	93	Giỏi	826,000	4,130,000	9974399233	VietComBank	
101	1910343	Trần Thị Diễm	Quỳnh	QTK43A	3.3	67	89	Giỏi	826,000	4,130,000	1024995616	VietComBank	
102	1914641	Lê Thị Thanh	Huyền	QTK43C	3.5	78	92	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000625159	VietComBank	
103	1911542	Võ Thị	Lựu	QTK43C	3.45	81	96	Giỏi	826,000	4,130,000	0771000601180	VietComBank	
104	1911559	Nguyễn Thị Huyền	My	QTK43C	3.35	78	90	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000625533	VietComBank	
105	1911479	Nguyễn Thị	Hậu	QTK43C	3.35	69	85	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000625148	VietComBank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
106	1910384	Trần Thị Thảo	Vy	QTK43C	3.24	75	81	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000615602	VietComBank	
107	1910338	Đặng Thanh	Phuong	QTK43C	3.2	78	94	Giỏi	826,000	4,130,000	1014561979	VietComBank	
108	2010849	Hoàng Lê Hoài	Trang	QTK44A	3.15	37	84	Khá	776,000	3,880,000	1014395370	VietComBank	
109	2010755	Trần Đắc Trí	Nhân	QTK44A	3.13	40	82	Khá	776,000	3,880,000	1014998073	VietComBank	
110	2010663	Đặng Vũ Mai	Hiên	QTK44A	3.0	37	84	Khá	776,000	3,880,000	1015010532	VietComBank	
111	2010758	Trần Vũ Quang	Nhật	QTK44A	3.0	37	84	Khá	776,000	3,880,000	9564816147	VietComBank	
112	2010894	Võ Thị	Yến	QTK44A	3.0	37	84	Khá	776,000	3,880,000	0561000630184	VietComBank	
113	2010661	Bùi Công	Hậu	QTK44B	3.35	34	80	Giỏi	826,000	4,130,000	1023954128	VietComBank	
114	2010810	Hồng Thanh	Tâm	QTK44B	3.0	37	77	Khá	776,000	3,880,000	0561000615094	VietComBank	
115	2010862	Lê Anh	Trí	QTK44B	3.0	37	76	Khá	776,000	3,880,000	1024995464	VietComBank	
116	2010877	Nguyễn Đoàn Bảo	Uyên	QTK44CLC	3.45	37	83	Giỏi	826,000	4,130,000	1014385262	VietComBank	
117	2013600	Cao Xuân	Bắc	QTK44D	3.15	37	74	Khá	776,000	3,880,000	1014964424	VietComBank	
118	2013805	Đỗ Phương	Thanh	QTK44D	3.0	37	77	Khá	776,000	3,880,000	9984174212	VietComBank	
119	2013813	Nguyễn Thị Bích	Thi	QTK44D	3.0	37	77	Khá	776,000	3,880,000	1014589434	VietComBank	
120	1812590	Lê Khánh	Hào	CSK42	3.7	110	83	Giỏi	987,000	4,935,000	1024994591	VietComBank	
121	1911273	Đỗ Văn	Dương	CSK43	3.55	69	94	Giỏi	987,000	4,935,000	0561000625814	VietComBank	
122	1911275	Châu Thị Ngọc	Duyên	CSK43	3.53	69	96	Giỏi	987,000	4,935,000	0561000627276	VietComBank	
123	1910248	Bùi Phạm Bảo	Ngọc	CSK43	3.53	63	80	Giỏi	987,000	4,935,000	1025016058	VietComBank	
124	2011271	Trà Thị Mỹ	Linh	CSK44	3.71	34	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	1014101339	VietComBank	
125	2012327	Đỗ Văn	Hậu	SHK44CLC	3.88	31	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	0041000359417	VietComBank	
126	1810147	Lê Phan Mỹ	Ngọc	AVK42SP	3.6	113	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	1024029160	VietComBank	
127	1914791	Trần Khánh	Dung	AVK43SP	3.5	85	90	Giỏi	826,000	4,130,000	0561000624351	VietComBank	
128	1911075	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc	AVK43SP	3.12	91	85	Khá	776,000	3,880,000	0561000623784	VietComBank	
129	2010046	Hoàng Quỳnh	Mai	AVK44SPA	3.75	38	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000560333	VietComBank	
130	2010053	Trần Bảo Hạnh	Nhung	AVK44SPA	3.2	38	80	Giỏi	826,000	4,130,000	1016637706	VietComBank	
131	2012612	Trần Thị Thùy	Dung	GTK44SPA	3.88	32	83	Giỏi	826,000	4,130,000	1025084570	VietComBank	
132	2012672	Cao Nguyễn Quỳnh	Nga	GTK44SPA	3.76	32	85	Giỏi	826,000	4,130,000	9848415615	VietComBank	
133	2012655	Nguyễn Thị	Loan	GTK44SPA	3.71	32	87	Giỏi	826,000	4,130,000	1016918366	VietComBank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
134	2012643	Nguyễn Diễm	Huyền	GTK44SPB	3.76	32	67	Khá	776,000	3,880,000	9329827057	VietComBank	
135	2015761	Phạm Thị Thanh	Huyền	GTK44SPB	3.71	32	76	Khá	776,000	3,880,000	9342623327	VietComBank	
136	1810114	Huỳnh Đông	Nghi	LSK42SP	4.0	116	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	0561000626340	VietComBank	
137	1810056	Ngô Thị Kim	Hạnh	TNK42SP	3.16	113	84	Khá	937,000	4,685,000	0561000605765	VietComBank	
138	1911099	Lưu Văn	Khoa	TNK43SP	3.8	69	91	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	0561000625398	VietComBank	
139	1910108	Lê Nguyễn Anh	Thư	TNK43SP	3.7	69	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	1015761512	VietComBank	
140	1910103	Lê Minh	Diệu	TNK43SP	3.65	65	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	1012745701	VietComBank	
141	2010018	Trịnh Thị Quỳnh	Hoa	TNK44SP	3.33	32	86	Giỏi	987,000	4,935,000	1015003399	VietComBank	
142	1810069	Huỳnh Anh	Quốc	VLK42SP	3.63	113	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	0621000441971	VietComBank	
143	2011345	Trần Đạt	Tín	TNK44	3.88	32	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	9971619609	VietComBank	

Tổng cộng: 617,375,000

(Bằng chữ: Sáu trăm mười bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

BẢO



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP  
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020-2021**

(Kèm theo Quyết định số 1023/QĐ-ĐHDL, ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt)

Ngân hàng: Agribank

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
1	1813082	Mai Quang	Khuê	CPK42	3.81	101	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5409205094046	Agribank	
2	1813043	Ka	Duy	CPK42	3.81	101	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205440650	Agribank	
3	1813025	Bùi Thị Phương	Chi	CPK42	3.81	101	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5406205237422	Agribank	
4	1813123	Phan Thị Hồng	Nhung	CPK42	3.63	98	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205440984	Agribank	
5	1913391	Đặng Thị Kim	Trinh	CPK43	3.53	61	84	Giỏi	826,000	4,130,000	5219205934344	Agribank	
6	1913390	Trương Thị Kiều	Trang	CPK43	3.13	61	82	Khá	776,000	3,880,000	5219205932276	Agribank	
7	1810621	Dà Kriêng Nai	Hăng	XHK42	3.4	101	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5405205313571	Agribank	
8	1813791	Cil K'	Bé	XHK42	3.4	103	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205253928	Agribank	
9	1710303	Phạm Hoàng	Việt	CTK41	4.0	139	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205502843	Agribank	
10	1710166	Ngô Thị	Hằng	CTK41	3.83	145	100	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205502808	Agribank	
11	1710195	Đình Nam	Khoa	CTK41	3.71	145	84	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205500927	Agribank	
12	1710156	Phạm Bá Xuân	Duy	CTK41	3.63	148	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205503070	Agribank	
13	1710305	Phan Văn Huy	Vũ	CTK41	3.63	145	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205500440	Agribank	
14	1714218	Nguyễn Quốc	Lộc	CTK41	3.57	135	92	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205503006	Agribank	
15	1710158	Phan Thị Quỳnh	Duyên	CTK41	3.5	145	98	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205502770	Agribank	
16	1812756	Nguyễn Trọng	Hiếu	CTK42	3.83	106	98	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205430236	Agribank	
17	1812751	Nguyễn Thị	Hà	CTK42	3.67	106	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205431399	Agribank	
18	1812795	Nguyễn Bảo	Long	CTK42	3.67	103	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205431216	Agribank	
19	1812733	Nguyễn Minh	Cường	CTK42	3.5	103	92	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205405511	Agribank	
20	1812828	Võ Thị Thúy	Phương	CTK42	3.5	106	90	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205430321	Agribank	
21	1812843	Đặng Ngọc	Thạch	CTK42	3.43	103	86	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205431143	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
22	1910127	Nhữ Văn	Hữu	CTK43	3.63	73	96	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5614205078171	Agribank	
23	1911158	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	CTK43	3.58	73	80	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205498903	Agribank	
24	1911164	Võ Đình Hoàng	Long	CTK43	3.58	70	80	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205488049	Agribank	
25	1911185	Nguyễn Thành	Phú	CTK43	3.47	73	80	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205487936	Agribank	
26	1911166	Võ Công	Lý	CTK43	3.42	73	86	Giỏi	987,000	4,935,000	5409205118991	Agribank	
27	1914775	Đình Trọng	Đạt	CTK43	3.26	73	88	Giỏi	987,000	4,935,000	5601205170075	Agribank	
28	2011401	Trần Bảo	Lâm	CTK44A	3.74	35	95	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5406205271387	Agribank	
29	2011432	Nguyễn Ngọc	Son	CTK44A	3.58	35	72	Khá	937,000	4,685,000	5402205383116	Agribank	
30	2011379	Triệu Trọng	Hậu	CTK44A	3.53	35	92	Giỏi	987,000	4,935,000	4602220016385	Agribank	
31	2014483	Đỗ Quốc	Sang	CTK44B	3.53	35	80	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205561894	Agribank	
32	1813386	Nguyễn Trường	Khả	DLK42A	3.81	114	98	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	4605205173358	Agribank	
33	1813263	Huỳnh Hữu	Đang	DLK42A	3.81	114	84	Giỏi	987,000	4,935,000	4313205042993	Agribank	
34	1813695	Dương Thành	Trung	DLK42A	3.68	111	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205430128	Agribank	
35	1813644	Phan Thị	Thu	DLK42A	3.68	120	88	Giỏi	987,000	4,935,000	4222205043311	Agribank	
36	1813696	Hoàng Ánh	Trương	DLK42A	3.63	114	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5103205167421	Agribank	
37	1813293	Nguyễn Thị	Duyên	DLK42A	3.63	112	93	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5230205037523	Agribank	
38	1813237	Nguyễn Quốc	Bảo	DLK42B	3.81	114	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5406205254421	Agribank	
39	1813557	Nguyễn Thị	Quyên	DLK42B	3.81	114	93	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5219205894068	Agribank	
40	1813737	Hồ Lê Kha	Vỹ	DLK42B	3.68	112	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5406205240643	Agribank	
41	1813423	Lê Thị Cẩm	Linh	DLK42B	3.68	121	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205433829	Agribank	
42	1813543	Phan Thị Thanh	Phương	DLK42B	3.68	118	83	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205433530	Agribank	
43	1813387	Đỗ Đăng	Khang	DLK42B	3.68	111	82	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205428018	Agribank	
44	1813456	Hà	Manh	DLK42B	3.84	117	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5406205316940	Agribank	
45	1912622	Nguyễn Thị Kim	Bích	DLK43A	3.75	71	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5406205231505	Agribank	
46	1910637	Trần Thị Thúy	Ngọc	DLK43A	3.65	74	95	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205479031	Agribank	
47	1912993	Phạm Thị Hồng	Nhung	DLK43A	3.6	71	96	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5405205273418	Agribank	
48	1912672	Nguyễn Thị	Dung	DLK43A	3.6	68	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205506316	Agribank	
49	1910618	Nguyễn Thiên	Kim	DLK43A	3.45	68	92	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205478840	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
50	1912843	Đoàn Thị Mỹ	Lệ	DLK43A	3.45	71	92	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205504645	Agribank	
51	1913189	Trần Thu	Trâm	DLK43A	3.45	80	92	Giỏi	987,000	4,935,000	5490205422153	Agribank	
52	1912616	Lê Tuyết	Băng	DLK43A	3.43	68	84	Giỏi	987,000	4,935,000	7504205283551	Agribank	
53	1913132	Trần Anh	Thông	DLK43B	3.71	71	86	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205491962	Agribank	
54	1912698	Lại Thu	Hà	DLK43B	3.65	71	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5404205433992	Agribank	
55	1910012	Nguyễn Quỳnh Thanh	Trúc	DLK43B	3.6	74	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205475438	Agribank	
56	1912941	Cao Thụy Bảo	Ngọc	DLK43B	3.53	68	90	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205505914	Agribank	
57	1912669	Lê Phương	Dung	DLK43B	3.53	68	88	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205505966	Agribank	
58	1910693	Đặng Thị Huyền	Trâm	DLK43B	3.53	68	85	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205479212	Agribank	
59	1910705	Rơ Ông Nô	Tri	DLK43B	3.5	71	90	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205478929	Agribank	
60	1914752	Hoàng Thị Phương	Thào	DLK43B	3.45	74	88	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205508810	Agribank	
61	1912681	Hồ Bảo	Duy	DLK43B	3.45	71	81	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205506135	Agribank	
62	1912751	Nguyễn Trung	Hiếu	DLK43C	3.6	71	96	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205491825	Agribank	
63	1913079	Nguyễn Thị Thu	Strong	DLK43C	3.45	68	88	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205506418	Agribank	
64	1912742	Văn Thị	Hiền	DLK43C	3.45	74	85	Giỏi	987,000	4,935,000	3903205211495	Agribank	
65	1913199	Trần Huyền	Trang	DLK43D	3.82	68	93	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	4307205222673	Agribank	
66	1910690	Dương Thị Thanh	Thúy	DLK43D	3.6	68	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205479287	Agribank	
67	1910674	Lương Thị Hồng	Thắm	DLK43D	3.45	68	92	Giỏi	987,000	4,935,000	5490205311428	Agribank	
68	1910680	Dương Đình	Thị	DLK43D	3.45	65	92	Giỏi	987,000	4,935,000	3910205160940	Agribank	
69	1914813	Bùi Thanh	Ngân	DLK43D	3.45	68	90	Giỏi	987,000	4,935,000	5406205242770	Agribank	
70	2011805	Lê Hoàng	Tân	DLK44A	3.3	38	88	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205554325	Agribank	
71	2011688	Nguyễn Chu Yên	Lam	DLK44A	3.3	38	85	Giỏi	987,000	4,935,000	6400205659920	Agribank	
72	2011588	Trịnh Phan Minh	Châu	DLK44A	3.18	35	86	Khá	937,000	4,685,000	5406205271710	Agribank	
73	2011866	Hà Huyền	Trần	DLK44A	3.18	35	86	Khá	937,000	4,685,000	5400205554331	Agribank	
74	2011781	Đoàn Thị Thu	Phương	DLK44A	3.18	32	84	Khá	937,000	4,685,000	5405205295830	Agribank	
75	2011682	Trần Lê Anh	Khoa	DLK44A	3.18	35	83	Khá	937,000	4,685,000	5400205556287	Agribank	
76	2011788	Phạm Nhất	Quân	DLK44A	3.15	38	85	Khá	937,000	4,685,000	5406205413381	Agribank	
77	2011806	Nguyễn Đình Khánh	Tân	DLK44A	3.0	35	86	Khá	937,000	4,685,000	5400205511187	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
78	2011647	Liêu Minh	Hậu	DLK44B	3.3	38	78	Khá	937,000	4,685,000	5408205314671	Agribank	
79	2011623	Võ Thị Mỹ	Duyên	DLK44B	3.26	41	88	Giỏi	987,000	4,935,000	4703205255040	Agribank	
80	2011870	Phạm Bảo	Trần	DLK44B	3.24	35	83	Giỏi	987,000	4,935,000	5406205251430	Agribank	
81	2012447	Lê Trần Thùy	Linh	DLK44B	3.18	35	82	Khá	937,000	4,685,000	5406205304680	Agribank	
82	2012413	Nguyễn Trường	An	DLK44B	3.15	38	90	Khá	937,000	4,685,000	6001205197000	Agribank	
83	2012485	Trần Thị Thanh	Thảo	DLK44B	3.06	35	87	Khá	937,000	4,685,000	5400205555935	Agribank	
84	2014658	Nguyễn Thị	Cúc	DLK44C	3.53	35	88	Giỏi	987,000	4,935,000	5400 205565502	Agribank	
85	2014661	Vũ Doãn	Cường	DLK44C	3.18	35	90	Khá	937,000	4,685,000	5406 205411494	Agribank	
86	2015688	Nguyễn Thị Lệ	Thùy	DLK44C	3.18	35	87	Khá	937,000	4,685,000	5400 205602905	Agribank	
87	2014665	Võ Thị	Đặng	DLK44C	3.0	35	90	Khá	937,000	4,685,000	5400205565525	Agribank	
88	2014868	Lê Thị Kim	Liên	DLK44D	3.18	35	92	Khá	937,000	4,685,000	5400205562250	Agribank	
89	2015183	Lê Nữ Huyền	Trần	DLK44D	3.18	35	90	Khá	937,000	4,685,000	4804205231598	Agribank	
90	2014803	Trần Thị Quỳnh	Hương	DLK44D	3.18	35	88	Khá	937,000	4,685,000	5404205531277	Agribank	
91	2014668	Hà Xuân Tiến	Đạt	DLK44D	3.13	41	90	Khá	937,000	4,685,000	5101205133636	Agribank	
92	1811152	Mang Thị	Thanh	DPK42HQ	3.76	106	83	Giỏi	826,000	4,130,000	4604205100693	Agribank	
93	1810763	Võ Thị Bình	An	DPK42HQ	3.76	109	81	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205407581	Agribank	
94	1810987	Văn Thị Hiền	Lương	DPK42HQ	3.76	103	81	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205433791	Agribank	
95	1811160	Bàn Nguyên	Thành	DPK42HQ	3.76	109	81	Giỏi	826,000	4,130,000	5606205208263	Agribank	
96	1811065	Nguyễn Phan Nguyên	Như	DPK42HQ	3.76	109	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205406304	Agribank	
97	1811139	Nguyễn Thế	Sơn	DPK42HQ	3.59	103	87	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205435173	Agribank	
98	1811126	Lê Nguyễn Ngọc	Quỳnh	DPK42HQ	3.59	106	81	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205189574	Agribank	
99	1810989	Hồ Thị Lưu	Luyến	DPK42HQ	3.59	103	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205435275	Agribank	
100	1810775	Thái Lan	Anh	DPK42HQ	3.41	104	78	Khá	776,000	3,880,000	5400205437770	Agribank	
101	1810977	Vũ Thị	Lộc	DPK42HQ	3.35	106	76	Khá	776,000	3,880,000	5400205434040	Agribank	
102	1811057	Võ Thảo	Nhi	DPK42HQ	3.24	109	76	Khá	776,000	3,880,000	5400205437480	Agribank	
103	1811249	Hồ Ngọc Thảo	Trang	DPK42HQ	3.2	106	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205437909	Agribank	
104	1811088	Nay	Oên	DPK42HQ	3.46	101	76	Khá	776,000	3,880,000	5007205108403	Agribank	
105	1810984	Bùi Thị	Lụa	DPK42NB	3.76	106	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205436840	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
106	1810890	Trần Ngọc	Hoàng	DPK42NB	3.59	106	90	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205437350	Agribank	
107	1811012	Hồ Thị	Mỹ	DPK42NB	3.59	103	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205436459	Agribank	
108	1811038	Trần Thị Thu	Ngọc	DPK42NB	3.41	106	92	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205430111	Agribank	
109	1811315	Lục Hiền	Vinh	DPK42NB	3.41	109	92	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205402492	Agribank	
110	1810828	Trần Hoàng Phương	Giao	DPK42NB	3.41	106	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205436386	Agribank	
111	1810985	Phạm Võ	Luân	DPK42NB	3.18	106	90	Khá	776,000	3,880,000	5400205435824	Agribank	
112	1810997	Bé Thị	Mai	DPK42NB	3.18	106	90	Khá	776,000	3,880,000	5491205391747	Agribank	
113	1913581	Nguyễn Thị	Hồng	DPK43HQA	4.0	64	78	Khá	776,000	3,880,000	5493220008766	Agribank	
114	1914904	Trịnh Thị	Thanh	DPK43HQA	4.0	63	78	Khá	776,000	3,880,000	5400205487778	Agribank	
115	1910785	Phạm Thị Thu	Hiền	DPK43HQA	3.82	63	80	Giỏi	826,000	4,130,000	4907205167179	Agribank	
116	1910759	Hoàng Minh	Cảnh	DPK43HQA	3.75	60	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	6005205160224	Agribank	
117	1913493	Đặng Thùy	Dương	DPK43HQA	3.75	63	78	Khá	776,000	3,880,000	5400205490375	Agribank	
118	1913742	Trần Văn Thảo	Nguyên	DPK43HQA	3.75	66	78	Khá	776,000	3,880,000	5400205490244	Agribank	
119	1913906	Dương Thị Linh	Thương	DPK43HQA	3.75	63	78	Khá	776,000	3,880,000	5400205486667	Agribank	
120	1913916	Hà Thị Thu	Thùy	DPK43HQA	3.75	66	78	Khá	776,000	3,880,000	5400205490789	Agribank	
121	1913925	Võ Thị Mỹ	Tiền	DPK43HQA	3.6	60	78	Khá	776,000	3,880,000	4306205426991	Agribank	
122	1910904	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	DPK43HQB	3.5	66	90	Giỏi	826,000	4,130,000	4602220009889	Agribank	
123	1913966	Phạm Văn	Trường	DPK43HQC	4.0	63	78	Khá	776,000	3,880,000	5400205585805	Agribank	
124	1910808	Nguyễn Tùng	Lâm	DPK43HQC	3.75	66	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205480450	Agribank	
125	1910898	Vũ Huyền	Trân	DPK43HQC	3.75	66	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205485113	Agribank	
126	1913602	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	DPK43HQC	3.75	66	78	Khá	776,000	3,880,000	5400205485483	Agribank	
127	1913900	Phạm Anh	Thư	DPK43HQC	3.75	66	78	Khá	776,000	3,880,000	5909205176560	Agribank	
128	1910926	Hồ Mộng Tường	Vy	DPK43NB	3.75	69	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205480500	Agribank	
129	1913803	Hoàng Kim	Phương	DPK43NB	3.75	69	85	Giỏi	826,000	4,130,000	5023205174406	Agribank	
130	1913836	Trần Thị Diễm	Quỳnh	DPK43NB	3.75	69	85	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205486615	Agribank	
131	1913958	Phạm Thị Mỹ	Trinh	DPK43NB	3.75	69	85	Giỏi	826,000	4,130,000	4308205193690	Agribank	
132	1913755	Lê Ngọc Uyên	Nhi	DPK43NB	3.75	66	82	Giỏi	826,000	4,130,000	4803205076780	Agribank	
133	1913807	Bùi Thúy	Phượng	DPK43NB	3.75	69	82	Giỏi	826,000	4,130,000	5491205409315	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
134	1913817	Nguyễn Thị Kiều	Quyên	DPK43NB	3.75	69	81	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205490165	Agribank	
135	2012078	Ngô Thị	Nam	DPK44HQA	3.71	37	87	Giỏi	826,000	4,130,000	5604205296693	Agribank	
136	2010412	Đỗ Thị Thu	Luyên	DPK44HQA	3.57	37	85	Giỏi	826,000	4,130,000	4302205297571	Agribank	
137	2012070	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DPK44HQA	3.57	37	85	Giỏi	826,000	4,130,000	4608220029450	Agribank	
138	2010387	Võ Thị Thanh	Huyền	DPK44HQA	3.57	37	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205480779	Agribank	
139	2010454	Nguyễn Huỳnh Trí	Nguyên	DPK44HQA	3.57	37	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205603082	Agribank	
140	2012090	Đào Thị Như	Quỳnh	DPK44HQA	3.48	37	86	Giỏi	826,000	4,130,000	5411205137811	Agribank	
141	2010488	Viên Ân	Quỳnh	DPK44HQA	3.48	37	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5907205309031	Agribank	
142	2012063	Trương Thị Thu	Hiền	DPK44HQA	3.44	34	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205558825	Agribank	
143	2013492	Nguyễn Thị Thu	Thùy	DPK44HQB	3.71	37	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5411205138469	Agribank	
144	2013485	Trần Thị Ngọc	Thúy	DPK44HQB	3.71	37	82	Giỏi	826,000	4,130,000	5491205424200	Agribank	
145	2013297	Krä Jän K'	Đuyết	DPK44HQB	3.67	34	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5401281000720	Agribank	
146	2013508	Lê Ngọc Đoan	Trang	DPK44HQB	3.57	37	79	Khá	776,000	3,880,000	4600205361945	Agribank	
147	2013378	Trần Thị Trúc	Mai	DPK44HQB	3.5	34	82	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205559913	Agribank	
148	2010326	Phạm Thanh	Bình	DPK44NB	4.0	34	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205558621	Agribank	
149	2015388	Phạm Ngọc	Dương	DPK44NB	3.88	40	81	Giỏi	826,000	4,130,000	2202205353656	Agribank	
150	2010310	Cao Thị Lan	Anh	DPK44NB	3.86	37	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205555494	Agribank	
151	2013325	Lưu Trần Tuyết	Hoa	DPK44NB	3.81	37	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205565338	Agribank	
152	2012088	Lương Văn	Quân	DPK44NB	3.79	40	76	Khá	776,000	3,880,000	5300205808439	Agribank	
153	2010320	Trương Ngọc	Anh	DPK44NB	3.75	40	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205567724	Agribank	
154	1810676	Lê Thanh	Bình	QHK42	4.0	111	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205436130	Agribank	
155	1810740	Hồ Mẫn	Trình	QHK42	3.63	109	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5405205241384	Agribank	
156	1811384	Hoàng Thị Mỹ	Ngọc	VNK42	4.0	107	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205436929	Agribank	
157	1811402	Nguyễn Thị	Thúy	VNK42	3.78	101	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	3516205238256	Agribank	
158	1910557	Nguyễn Bích	Mai	VNK43	3.64	67	77	Khá	776,000	3,880,000	5406205341750	Agribank	
159	2010604	Nguyễn Thị	Viên	VNK44	3.9	35	80	Giỏi	826,000	4,130,000	4608220029677	Agribank	
160	1812708	Văn Thị Như	Ý	HHK42	4.0	116	96	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	4900205255983	Agribank	
161	1911224	Phạm Hồng	Ân	HHK43	2.81	73	80	Khá	937,000	4,685,000	5490205318643	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
162	1714182	Nguyễn Thị Minh	Hiền	HNK41	4.0	143	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5406205243750	Agribank	
163	1710388	Huỳnh Văn	Đạt	HNK41	4.0	143	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5406205168971	Agribank	
164	1810036	Lê Nhựt Hồng	Thiên	HNK42	3.47	117	84	Giỏi	987,000	4,935,000	1890205129750	Agribank	
165	2014518	Cao Lê Ngọc	Nam	HNK44	3.69	39	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5406205249654	Agribank	
166	1811957	Lê Thị Lệ	Giang	LHK42A	4.0	125	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205428683	Agribank	
167	1811990	Võ Thị Mỹ	Hạnh	LHK42A	4.0	122	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205440121	Agribank	
168	1812290	Nguyễn Thị	Phương	LHK42A	3.86	119	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5304205204948	Agribank	
169	1812478	Trần Thị Kiều	Trinh	LHK42A	3.83	119	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5406205392983	Agribank	
170	1811899	Trần Thị Anh	Đào	LHK42A	3.8	119	95	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205440325	Agribank	
171	1812189	Điệp Thúy	Nga	LHK42A	3.8	119	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205498689	Agribank	
172	1812187	Rơ Ông K'	Nang	LHK42A	3.75	116	93	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205441392	Agribank	
173	1811912	Đặng Thị Khánh	Đoan	LHK42B	3.8	116	86	Giỏi	826,000	4,130,000	4900205303854	Agribank	
174	1812388	Nguyễn Đình Hưng	Thịnh	LHK42C	4.0	125	96	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205441080	Agribank	
175	1812524	Lã Thị Hồng	Vân	LHK42C	4.0	122	96	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5406205249001	Agribank	
176	1812347	Nguyễn Thị Băng	Tâm	LHK42C	4.0	119	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205441840	Agribank	
177	1812535	Lê Ngọc	Việt	LHK42C	3.83	122	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205442757	Agribank	
178	1812030	Nguyễn Thị	Hoài	LHK42C	3.8	125	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205442792	Agribank	
179	1812201	Hoàng Văn	Nghĩa	LHK42C	3.83	119	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	8304205047401	Agribank	
180	1812026	Hoàng Thái	Hòa	LHK42D	4.0	115	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205442530	Agribank	
181	1812096	Mai Hắc Phúc	Lai	LHK42D	3.83	131	85	Giỏi	826,000	4,130,000	4600205290093	Agribank	
182	1812111	Hoàng Thị Mỹ	Linh	LHK42D	3.83	120	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205443215	Agribank	
183	1812118	Nguyễn Thị	Linh	LHK42D	3.75	110	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205427701	Agribank	
184	1812471	Nguyễn Lê Thanh	Triệu	LHK42D	3.75	113	93	Xuất sắc	876,000	4,380,000	2005206179177	Agribank	
185	1811925	Lê Thị Ngọc	Dung	LHK42D	3.75	113	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205441681	Agribank	
186	1812479	Ksor Hờ	Trình	LHK42D	3.75	113	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	4606205076897	Agribank	
187	1912206	Vũ Quang	Nhân	LHK43A	3.78	69	93	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205488236	Agribank	
188	1912158	Mông Thị	Mến	LHK43A	3.78	69	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205489767	Agribank	
189	1912244	Đình Hoàng	Phúc	LHK43A	3.73	71	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	3713205115908	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
190	1912137	Nguyễn Thị Phương	Loan	LHK43A	3.7	69	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5413205112265	Agribank	
191	1914907	Trịnh Trần Mỹ	Hạnh	LHK43A	3.55	71	90	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205497975	Agribank	
192	1912208	Đặng Thị Tuyết	Nhi	LHK43A	3.55	71	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5491205410661	Agribank	
193	1912029	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	LHK43B	3.9	71	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5203205893706	Agribank	
194	1910432	Hồ Long	Án	LHK43B	3.8	73	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5406205276214	Agribank	
195	1910475	Trần Thị Kim	Luôn	LHK43B	3.65	67	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	1800259193473	Agribank	
196	1912284	Nguyễn Minh	Sáng	LHK43B	3.65	71	86	Giỏi	826,000	4,130,000	4810205307218	Agribank	
197	1912141	Đặng Thiên	Long	LHK43B	3.55	69	86	Giỏi	826,000	4,130,000	5005205193806	Agribank	
198	1912215	Nguyễn Tuyết	Nhi	LHK43B	3.5	71	92	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205276033	Agribank	
199	1912056	Nguyễn Thị	Hồng	LHK43C	3.73	69	86	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205457340	Agribank	
200	1912024	Nguyễn Văn	Hậu	LHK43C	3.68	69	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205460532	Agribank	
201	1912027	Đặng Thị Thanh	Hiền	LHK43C	3.55	73	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205235876	Agribank	
202	1910531	Nguyễn Hà	Trang	LHK43C	3.55	69	85	Giỏi	826,000	4,130,000	4907205171748	Agribank	
203	2011116	Hoàng Thị Thúy	Ngân	LHK44A	3.62	40	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5406205252505	Agribank	
204	2014344	Nguyễn Thị Thùy	Trang	LHK44A	3.4	34	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205510995	Agribank	
205	2014138	Nguyễn Quốc	Huy	LHK44A	3.3	37	85	Giỏi	826,000	4,130,000	5609205136200	Agribank	
206	2011199	Đặng Phan Bích	Trâm	LHK44A	3.26	37	92	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205603149	Agribank	
207	2012281	Nguyễn Phương	Ngân	LHK44B	4.0	34	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205555617	Agribank	
208	2014388	Lê Nguyễn Nhật	Vy	LHK44B	3.75	34	91	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205559828	Agribank	
209	2011019	Huỳnh Gia	Bảo	LHK44B	3.5	34	92	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205220891	Agribank	
210	2014234	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	LHK44B	3.4	39	90	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205559857	Agribank	
211	2011080	Đỗ Ngọc	Huy	LHK44B	3.3	34	90	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205253283	Agribank	
212	2014075	Vũ Thị Hồng	Gấm	LHK44B	3.32	36	82	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205566977	Agribank	
213	2015835	Ngô Danh	Công	LHK44C	3.7	34	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205588747	Agribank	
214	2014306	Trương Thị Thanh	Thảo	LHK44C	3.45	34	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205367356	Agribank	
215	2011237	Hồ Nguyễn Quảng	Xuyên	LHK44C	3.3	34	90	Giỏi	826,000	4,130,000	5306205119893	Agribank	
216	2014028	Nguyễn Thị Vân	Anh	LHK44C	3.3	34	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205369447	Agribank	
217	2014093	Dương Trần Mỹ	Hạnh	LHK44C	3.3	34	83	Giỏi	826,000	4,130,000	4906205107340	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
218	1813823	Lư Nữ Diễm	Hương	LSK42	3.61	112	98	Xuất sắc	876,000	4,380,000	4804205177990	Agribank	
219	2011499	Cà Thụy Hoài	Thương	CHK44	3.3	37	94	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205557194	Agribank	
220	1812975	Lê Thị Thanh	Phương	NHK42	3.84	110	100	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205436646	Agribank	
221	1812942	Tạ Minh	Hiếu	NHK42	3.37	119	98	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205443280	Agribank	
222	1812939	Thái Thị Thùy	Giang	NHK42	3.32	116	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205436261	Agribank	
223	1812978	Huỳnh Thị Bích	Quý	NHK42	3.32	119	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5405205236355	Agribank	
224	1910254	Đình Trần Quế	Anh	NHK43	3.19	82	89	Khá	776,000	3,880,000	5400205480914	Agribank	
225	1910267	Nguyễn Trung	Hiếu	NHK43	2.96	79	81	Khá	776,000	3,880,000	5400205481590	Agribank	
226	1911375	Võ Trần Ngân	Hà	NHK43	2.86	82	94	Khá	776,000	3,880,000	4600220050475	Agribank	
227	2011505	Bùi Thúy	An	NHK44	3.6	37	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205529210	Agribank	
228	2011526	Trần Thanh	Nhàn	NHK44	3.3	37	76	Khá	776,000	3,880,000	5400205557209	Agribank	
229	2011519	Lê Huy	Hoàng	NHK44	2.87	40	72	Khá	776,000	3,880,000	5404205472601	Agribank	
230	2011533	Hồ Phước	Thịnh	NHK44	2.87	40	72	Khá	776,000	3,880,000	5406281002810	Agribank	
231	1810468	Võ Minh	Thi	AVK42A	3.5	119	86	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205439700	Agribank	
232	1810377	Vũ Hồng Bảo	Ngọc	AVK42A	3.33	119	82	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205403148	Agribank	
233	1810419	Văn Hồng	Phúc	AVK42A	3.33	122	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205429611	Agribank	
234	1810234	Thái Thị Hương	Giang	AVK42A	3.33	119	79	Khá	776,000	3,880,000	4311205039450	Agribank	
235	1810201	Nguyễn Mạnh	Cường	AVK42A	3.17	119	79	Khá	776,000	3,880,000	5400205438658	Agribank	
236	1810513	Nguyễn Trần Thu	Trang	AVK42A	3.17	119	77	Khá	776,000	3,880,000	5400205438918	Agribank	
237	1810313	Nghiêm Võ Nhất	Lâm	AVK42C	3.33	123	90	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205439434	Agribank	
238	1810356	Nguyễn Vũ Phương	My	AVK42C	3.33	119	84	Giỏi	826,000	4,130,000	5400207003740	Agribank	
239	1810177	Lê Ngọc Lan	Anh	AVK42C	3.33	119	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205438540	Agribank	
240	1813820	Nguyễn Thị Minh	Thơ	AVK42C	3.2	119	81	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205276815	Agribank	
241	1813755	Vũ Hoàng Tuấn	Anh	AVK42C	3.17	119	72	Khá	776,000	3,880,000	5406205411074	Agribank	
242	1810283	Phạm Hồ Đức	Hoàng	AVK42D	3.25	125	90	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205404498	Agribank	
243	1810327	Trần Thị Kim	Loan	AVK42D	3.0	119	92	Khá	776,000	3,880,000	5400205439457	Agribank	
244	1810185	Phan Văn Minh	Anh	AVK42E	3.5	125	91	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205407421	Agribank	
245	1810456	Trịnh Thiên	Thanh	AVK42E	3.4	121	77	Khá	776,000	3,880,000	5400205438845	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
246	1810480	Nguyễn Vươn Đăng	Thư	AVK42E	3.25	122	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205443693	Agribank	
247	1810323	Hùng Thị Ngọc	Linh	AVK42E	3.25	122	85	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205439571	Agribank	
248	1810550	Trần Như	Ý	AVK42E	3.2	122	76	Khá	776,000	3,880,000	5400205438606	Agribank	
249	1911034	Trần Thùy	Quỳnh	AVK43A	2.74	82	89	Khá	776,000	3,880,000	4900205322054	Agribank	
250	1914466	Trần Ngọc Nam	Yên	AVK43A	2.65	83	83	Khá	776,000	3,880,000	5400205493481	Agribank	
251	1914202	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	AVK43B	2.88	85	80	Khá	776,000	3,880,000	5400205491933	Agribank	
252	1910958	Hứa Nguyễn Minh	Châu	AVK43C	3.62	81	96	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205499226	Agribank	
253	1911021	Phạm Quỳnh Bảo	Như	AVK43C	2.77	82	71	Khá	776,000	3,880,000	5400205499249	Agribank	
254	1911059	Nguyễn Trần Cẩm	Uyên	AVK43C	2.69	85	76	Khá	776,000	3,880,000	5400205481759	Agribank	
255	1910994	Đình Ngọc Khánh	Linh	AVK43D	3.0	82	81	Khá	776,000	3,880,000	5400205482007	Agribank	
256	1911065	Lê Thụy Tuyết	Vy	AVK43D	2.78	82	81	Khá	776,000	3,880,000	5400205454110	Agribank	
257	1914155	Nguyễn Thị Thu	Hiền	AVK43E	3.0	82	85	Khá	776,000	3,880,000	5400205491100	Agribank	
258	1910952	Trần Thị Lan	Anh	AVK43E	2.87	82	83	Khá	776,000	3,880,000	5400205481952	Agribank	
259	1914066	Nguyễn Ngọc	An	AVK43E	2.87	89	79	Khá	776,000	3,880,000	5400205491890	Agribank	
260	1914669	Đèo Tuấn	Kiệt	AVK43E	2.65	80	68	Khá	776,000	3,880,000	5405205288791	Agribank	
261	1914311	Trần Anh	Phương	AVK43F	2.74	82	84	Khá	776,000	3,880,000	5400205491174	Agribank	
262	1914432	Ngô Thị Hương	Uyên	AVK43F	2.7	75	82	Khá	776,000	3,880,000	5406205140184	Agribank	
263	2010099	Lê Gia	Hân	AVK44B	3.3	38	82	Giỏi	826,000	4,130,000	5490205386013	Agribank	
264	2010096	Võ Ngọc Hoàng	Giang	AVK44B	3.2	38	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205555210	Agribank	
265	2010113	Nguyễn Công	Hoan	AVK44B	2.9	38	74	Khá	776,000	3,880,000	5490205422652	Agribank	
266	2010199	Nguyễn Thị Yến	Quyên	AVK44B	2.8	38	78	Khá	776,000	3,880,000	5400205553686	Agribank	
267	2010132	Nguyễn Ngọc Tuấn	Kiệt	AVK44C	2.82	35	84	Khá	776,000	3,880,000	6140205783619	Agribank	
268	2010130	Phạm Bảo	Khương	AVK44C	2.75	38	88	Khá	776,000	3,880,000	5400205553742	Agribank	
269	2013107	Cao Mỹ	Quyên	AVK44E	3.35	38	90	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205250790	Agribank	
270	2013142	Lê Nguyễn Thuý	Tiên	AVK44E	2.9	38	80	Khá	776,000	3,880,000	5400205560675	Agribank	
271	2013072	Đình Khánh	My	AVK44F	3.6	38	86	Giỏi	826,000	4,130,000	5408205278787	Agribank	
272	2013126	Lê Hải	Thanh	AVK44F	3.2	38	86	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205560725	Agribank	
273	1810584	Trần Thị	Thào	NVK42	3.5	111	92	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205443330	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
274	1912481	Hồ Thị Thù	Tiên	NVK43	3.27	61	90	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205490419	Agribank	
275	2015789	Lê Minh	Thương	NVK44	3.81	36	94	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5406205369453	Agribank	
276	1912455	Vòng Kim	Hằng	VHK43	3.07	76	89	Khá	776,000	3,880,000	5400205568943	Agribank	
277	1811771	Trần Thị Kim	Oanh	KTK42	3.6	115	98	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205404590	Agribank	
278	1811690	Nguyễn Thị Kim	Chi	KTK42	3.52	124	91	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205434670	Agribank	
279	1811807	Nguyễn Thị	Thường	KTK42	3.52	121	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205434794	Agribank	
280	1811747	Nguyễn Nhật	Minh	KTK42	3.45	118	94	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205194414	Agribank	
281	1811808	Nguyễn Thị	Thúy	KTK42	3.4	121	94	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205432730	Agribank	
282	1811818	Nguyễn Thị Kiều	Trang	KTK42	3.39	124	94	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205401800	Agribank	
283	1911830	Phạm Thị Thanh	Nhàn	KTK43	3.35	75	82	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205317262	Agribank	
284	1911903	Phạm Thảo	Uyên	KTK43	3.25	75	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205568683	Agribank	
285	1911907	Trần Thị Ánh	Vân	KTK43	3.25	78	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205453905	Agribank	
286	1910412	Nguyễn Phương	Thanh	KTK43	3.2	75	82	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205483580	Agribank	
287	1911889	Trần Thị Bích	Trang	KTK43	3.1	75	84	Khá	776,000	3,880,000	5400205454053	Agribank	
288	1911764	Lê Thị Tú	Anh	KTK43	3.05	78	92	Khá	776,000	3,880,000	5400205491985	Agribank	
289	1911874	Đỗ Thị	Thương	KTK43	2.95	78	83	Khá	776,000	3,880,000	5400205493186	Agribank	
290	2010959	Trương Nhật	Quang	KTK44A	3.39	38	90	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205554637	Agribank	
291	2010961	Phạm Thị	Quyên	KTK44A	3.13	38	92	Khá	776,000	3,880,000	5400205554593	Agribank	
292	2010914	Hoàng Thị Thu	Hào	KTK44A	2.87	35	88	Khá	776,000	3,880,000	5405205361450	Agribank	
293	2010951	Trần Ngọc	Như	KTK44A	2.87	38	81	Khá	776,000	3,880,000	5400205554564	Agribank	
294	2013919	Võ Phạm Ngọc	Đà	KTK44B	3.57	38	91	Giỏi	826,000	4,130,000	5402205405630	Agribank	
295	2010937	Vũ Thị Diễm	My	KTK44B	2.77	41	84	Khá	776,000	3,880,000	5400205554512	Agribank	
296	1811508	Nguyễn Hoàng Nhật	Khanh	QTK42	4.0	122	100	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205432146	Agribank	
297	1811596	Đỗ Thị Diễm	Quỳnh	QTK42	3.75	122	85	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205433047	Agribank	
298	1811644	Nguyễn Kim Đài	Trang	QTK42	3.63	122	82	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205433270	Agribank	
299	1811502	Tô Nguyễn Thanh	Huyền	QTK42	3.57	119	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205432412	Agribank	
300	1813827	Nguyễn Quang	Huy	QTK42	3.56	122	79	Khá	776,000	3,880,000	5409205074294	Agribank	
301	1811490	Dương Đình	Hưng	QTK42	3.56	116	78	Khá	776,000	3,880,000	5400205432470	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
302	1811632	Phạm Thị Thủy	Tiên	QTK42	3.63	122	89	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205431990	Agribank	
303	1811521	Đặng Thị Bích	Lệ	QTK42	3.63	122	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205434981	Agribank	
304	1911496	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	QTK43A	3.65	78	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205493111	Agribank	
305	1911510	Đình Nguyễn Minh	Huyền	QTK43A	3.6	75	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205492660	Agribank	
306	1910299	Phan Thị Trà	Giang	QTK43A	3.45	78	98	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205463156	Agribank	
307	1914742	Đoàn Thị Thu	Trang	QTK43A	3.3	78	86	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205245755	Agribank	
308	1910380	Hoàng Minh	Việt	QTK43A	3.2	72	94	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205483550	Agribank	
309	1911558	Lê Thị Trà	My	QTK43A	3.35	78	94	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205492653	Agribank	
310	1910367	Vũ Bạch Mộng	Trúc	QTK43B	3.75	81	84	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205483515	Agribank	
311	1911529	Nguyễn Ngọc Mỹ	Linh	QTK43B	3.64	78	85	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205492190	Agribank	
312	1911706	Trịnh Bảo	Trâm	QTK43B	3.43	75	94	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205501828	Agribank	
313	1911493	Nguyễn	Hoàn	QTK43B	3.3	75	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205317075	Agribank	
314	1910346	Nguyễn Mai Ngọc	Thạch	QTK43C	3.41	72	90	Giỏi	826,000	4,130,000	4705205198658	Agribank	
315	1911530	Nguyễn Thị Mộng	Linh	QTK43C	3.35	78	85	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205492618	Agribank	
316	1910370	Bùi Thị Thanh	Tuyền	QTK43C	3.35	75	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205257284	Agribank	
317	2010886	Nguyễn Trang Yên	Vy	QTK44A	3.13	37	74	Khá	776,000	3,880,000	5405205372302	Agribank	
318	2010660	Lê Huỳnh Ngọc	Hạnh	QTK44A	3.0	37	84	Khá	776,000	3,880,000	5400205455663	Agribank	
319	2010610	Đặng Thị Vân	Anh	QTK44B	3.65	40	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5491205410229	Agribank	
320	2010623	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	QTK44B	3.6	37	93	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205556416	Agribank	
321	2010746	Nguyễn Bảo	Ngọc	QTK44B	3.45	37	82	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205532900	Agribank	
322	2010893	Nguyễn Thị	Yên	QTK44B	3.26	40	81	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205556705	Agribank	
323	2010732	Tổng Thị	My	QTK44B	3.04	40	81	Khá	776,000	3,880,000	5400205491565	Agribank	
324	2013707	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	QTK44C	3.15	37	82	Khá	776,000	3,880,000	5400205561649	Agribank	
325	2013897	Phan Nguyễn Thảo	Vy	QTK44C	3.0	37	80	Khá	776,000	3,880,000	5400205510313	Agribank	
326	2010626	Phạm Thị Kim	Bình	QTK44CLC	3.45	37	94	Giỏi	826,000	4,130,000	5406205296018	Agribank	
327	2013787	Đỗ Hoàng	Sơn	QTK44CLC	3.45	34	85	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205561610	Agribank	
328	2010648	Nguyễn Quỳnh	Duyên	QTK44CLC	3.45	37	83	Giỏi	826,000	4,130,000	4910205036560	Agribank	
329	2015434	Nguyễn Đức	Dũng	QTK44CLC	3.15	34	85	Khá	776,000	3,880,000	5400205566592	Agribank	

TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
330	2010713	Lê Hoàng	Lộc	QTK44CLC	3.15	37	80	Khá	776,000	3,880,000	5400205588487	Agribank	
331	2013798	Lê Văn	Tân	QTK44D	3.18	31	73	Khá	776,000	3,880,000	3903205239305	Agribank	
332	2015482	Trần Bảo	Tín	QTK44D	3.15	37	92	Khá	776,000	3,880,000	5404205471253	Agribank	
333	1812602	Nguyễn Thị Minh	Khai	CSK42	3.85	114	96	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205400206	Agribank	
334	1812604	Phạm Hồ Thuật	Khoa	CSK42	3.85	122	89	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205431505	Agribank	
335	1813806	Vũ Thị Ngọc	Anh	CSK42	3.74	107	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205419624	Agribank	
336	1812616	Nguyễn Võ Phương	Mai	CSK42	3.7	113	96	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205430866	Agribank	
337	1812633	Mai Thị Bích	Nhi	CSK42	3.68	112	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	4607220024353	Agribank	
338	1810016	Nông Thị Minh	Hiền	CSK42	3.85	107	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5211205113839	Agribank	
339	1910236	Dương Thị Cẩm	Vân	CSK43	3.55	69	94	Giỏi	987,000	4,935,000	3910205149425	Agribank	
340	1910204	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	CSK43	3.53	66	92	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205456383	Agribank	
341	1914633	Trần Nguyễn Kim	Ngân	CSK43	3.41	66	83	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205485901	Agribank	
342	1911351	Lê Thị Thu	Uyên	CSK43	3.41	63	81	Giỏi	987,000	4,935,000	5406205209036	Agribank	
343	1911319	Trương Thị Yến	Nhi	CSK43	3.41	63	80	Giỏi	987,000	4,935,000	4201205084509	Agribank	
344	2011276	Trần Hoàng Kim	Ngân	CSK44	3.76	34	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5405205297287	Agribank	
345	2011290	Hoàng Trọng	Phúc	CSK44	3.76	34	82	Giỏi	987,000	4,935,000	5405205296226	Agribank	
346	2011316	Hoàng Tú	Uyên	CSK44	3.71	34	92	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5902205453306	Agribank	
347	1810130	Bùi Thị Yến	Cơ	AVK42SP	3.38	118	86	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205434460	Agribank	
348	1810150	Võ Thị Ngọc	Nữ	AVK42SP	3.36	117	80	Giỏi	826,000	4,130,000	4908205065843	Agribank	
349	1914491	Lê Khánh	Linh	AVK43SP	3.25	92	92	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205495277	Agribank	
350	1914471	Hoàng Mai	Anh	AVK43SP	3.0	89	90	Khá	776,000	3,880,000	5400205494143	Agribank	
351	2010056	Mạc Bảo	Trâm	AVK44SPA	3.9	38	83	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205556921	Agribank	
352	2010060	Trần Hoàng	Vân	AVK44SPA	3.9	38	80	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205555153	Agribank	
353	2010042	Trần Thị Kim	Hiếu	AVK44SPA	3.75	38	89	Giỏi	826,000	4,130,000	4906205119956	Agribank	
354	2011974	Vũ Anh	Tuấn	AVK44SPA	3.3	38	86	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205555160	Agribank	
355	2012903	Hoàng Minh Vĩnh	An	AVK44SPB	3.6	38	92	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5400205539691	Agribank	
356	1911078	Lượng Vũ Hải	Nhận	GTK43SP	3.56	65	77	Khá	776,000	3,880,000	4803205076121	Agribank	
357	1914568	Bạch Thị Tuyết	Nga	GTK43SP	3.5	65	98	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205494846	Agribank	



TT	MSSV	Họ Lót	Tên	Lớp SV	DTB HT	TCTL	DRL	XLHB	Mức HB	Số Tiền HB	Số Tài Khoản	Tên NH mở tài khoản	Ghi chú
358	1911082	Lê Vũ Thùy	Tiên	GTK43SP	3.5	65	79	Khá	776,000	3,880,000	5405205258210	Agribank	
359	1914573	Nguyễn Thị Kim	Nguyễn	GTK43SP	3.31	65	77	Khá	776,000	3,880,000	4906205075207	Agribank	
360	1914537	Nguyễn Vy Quỳnh	Giao	GTK43SP	3.31	65	75	Khá	776,000	3,880,000	5400205494505	Agribank	
361	1914597	Phạm Thanh	Thùy	GTK43SP	3.19	65	96	Khá	776,000	3,880,000	3008205132530	Agribank	
362	2012654	Hoàng Ngọc	Loan	GTK44SPA	3.88	32	96	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5412205379192	Agribank	
363	2012694	Nguyễn Thị	Nhung	GTK44SPA	3.88	32	91	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5401205070723	Agribank	
364	2010005	Đoàn Thị Thảo	Oanh	GTK44SPA	3.76	32	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5405205366418	Agribank	
365	2010009	Lưu Huyền	Trang	GTK44SPA	3.76	32	90	Xuất sắc	876,000	4,380,000	5405205297191	Agribank	
366	2015814	Đình Trần Văn	Trâm	GTK44SPB	3.76	32	87	Giỏi	826,000	4,130,000	5004205217020	Agribank	
367	2012595	Vũ Hồng	Anh	GTK44SPB	3.71	32	84	Giỏi	826,000	4,130,000	5404205471095	Agribank	
368	1810078	Nguyễn Phi	Hồ	HHK42SP	3.69	127	91	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	4702205260842	Agribank	
369	1910167	Đặng Thị Minh	Thư	HHK43SP	3.71	79	89	Giỏi	987,000	4,935,000	5406205190147	Agribank	
370	2012844	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Loan	HHK44SP	3.6	35	82	Giỏi	987,000	4,935,000	5400205564183	Agribank	
371	1912570	Nguyễn Cao	Kỳ	LSK44SP	3.2	51	78	Khá	776,000	3,880,000	5400205494120	Agribank	
372	1810106	Nguyễn Thị Thu	Thùy	NVK42SP	3.36	121	88	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205430895	Agribank	
373	1912509	Nguyễn Thị Uyên	Vy	NVK43SP	3.55	73	86	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205494297	Agribank	
374	2010027	Nguyễn Tài	Tin	TNK44SP	3.22	36	76	Khá	937,000	4,685,000	5405205331840	Agribank	
375	2011956	Nguyễn Liêm	Khanh	TNK44SP	3.17	36	91	Khá	937,000	4,685,000	5406205312007	Agribank	
376	2011955	Phạm Trí	Hưng	TNK44SP	3.17	36	86	Khá	937,000	4,685,000	5400205482990	Agribank	
377	1710365	Phạm Khôi	Nguyễn	VTK41	4.0	133	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205511930	Agribank	
378	1710362	Nguyễn Thanh	Lộc	VTK41	3.65	130	94	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5406205186915	Agribank	
379	1812885	K'	Đài	VTK42	2.82	101	80	Khá	937,000	4,685,000	5400205443040	Agribank	
380	1911232	Phạm Hải	Đặng	VTK43	3.67	76	90	Xuất sắc	1,037,000	5,185,000	5400205495697	Agribank	
381	2015620	Lê Quang	Huy	VTK44	3.0	38	76	Khá	937,000	4,685,000	5412205379207	Agribank	
382	2012565	Phạm Thị Kiều	Oanh	NVK44SP	3.58	27	96	Giỏi	826,000	4,130,000	5400205530385	Agribank	
383	2012861	Lê Khánh	Huyền	NVK44SP	3.42	27	90	Giỏi	826,000	4,130,000	5609205134388	Agribank	

Tổng cộng: 1,674,115,000

(Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm bảy mươi bốn triệu một trăm mười lăm nghìn đồng)